

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT SỞ NỘI VỤ, UBND CẤP XÃ
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / 10 /2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NỘI VỤ

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện DVBC CI	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung cấp DVCTT	
							Toàn trình	Một phần
I	LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG							
1	Xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin bằng phương pháp thực chứng (1.013746.H42)	35 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x	Nghị định số 128/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong quản lý nhà nước lĩnh vực nội vụ		x
2	Lấy mẫu để giám định ADN xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin (1.013747.H42)	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x			x
3	Khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với thương binh không công tác trong quân đội, công an, người hưởng chính sách như thương binh có vết thương đặc biệt tái phát và điều chỉnh chế độ (1.013748.H42)	84 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x			x
4	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B, C, K trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đăng cử ở lại miền Nam hoạt động sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng (1.013749.H42)	Không quy định	Trung tâm PVHCC UBND cấp xã	Không	x	Nghị định số 23/1999/NĐ-CP ngày 15/4/1999 của Chính phủ		x

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện DVBC CI	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung cấp DVCTT	
							Toàn trình	Một phần
5	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ (1.010803.000.00.00.H42)	17 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC UBND cấp xã	Không	x	Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ.	x	
6	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an 1.010810.000.00.00.H42	128 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC UBND cấp xã	Không	x			x
7	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ 1.010825.000.00.00.H42	17 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC UBND cấp xã	Không	x		x	
8	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học 1.010816.000.00.00.H42	- Trường hợp người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học: 89 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. - Trường hợp người hoạt động kháng chiến có con đẻ bị dị dạng, dị tật đã được hưởng chế độ mà bố (mẹ) chưa được hưởng: 82 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. - Trường hợp có vợ hoặc có chồng nhưng không có con đẻ: 24 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Trung tâm PVHCC UBND cấp xã	Không	x	Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ.	x	
9	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học 1.010817.000.00.00.H42	89 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC UBND cấp xã	Không	x	Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ.	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện DVBC CI	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung cấp DVCTT	
							Toàn trình	Một phần
10	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày (1.010818.000.00.00.H42)	17 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC UBND cấp xã	Không	x		x	
11	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế (1.010819.000.00.00.H42)	17 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC UBND cấp xã	Không	x		x	
12	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng 1.010820.000.00.00.H42	17 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC UBND cấp xã	Không	x		x	
13	Cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý (1.010811.000.00.00.H42)	42 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC UBND cấp xã	Không	x	Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ.	x	
14	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân 1.010821.000.00.00.H42	- 42 ngày làm việc đối với trường hợp hồ sơ người có công đang do quân đội, công an quản lý - 15 ngày làm việc đối với trường hợp hồ sơ người có công không do quân đội, công an quản lý	Trung tâm PVHCC UBND cấp xã	Không	x	Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ.	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện DVBC CI	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung cấp DVCTT	
							Toàn trình	Một phần
15	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý 1.010812.000.00.00.H42	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC UBND cấp xã	Không	x	Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ		x
16	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần 1.010824.000.00.00.H42	- Đối với trợ cấp một lần: 19 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. - Đối với trợ cấp mai táng: 19 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. - Đối với trợ cấp tuất hằng tháng, trợ cấp tuất nuôi dưỡng hằng tháng: 24 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đối với trường hợp đủ điều kiện	Trung tâm PVHCC tỉnh; Trung tâm PVHCC UBND cấp xã	Không	x	Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ	x	
17	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ 1.010829.000.00.00.H42	- Đối với trường hợp chưa được hỗ trợ: 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ giấy tờ theo quy định. - Đối với trường hợp đã được hỗ trợ: 11 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ giấy tờ theo quy định.	Trung tâm PVHCC tỉnh; Trung tâm PVHCC UBND cấp xã	Không	x	Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ	x	
18	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân	- Đối với trường hợp chưa được hỗ trợ: 08 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ giấy tờ theo	Trung tâm PVHCC tỉnh; Trung tâm PVHCC	Không	x	Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện DVBC CI	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung cấp DVCTT	
							Toàn trình	Một phần
	nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ 1.010830.000.00.00.H42	quy định. - Đối với trường hợp đã được hỗ trợ: 09 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ giấy tờ theo quy định.	UBND cấp xã					
19	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” 1.010804.000.00.00.H42	17 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC UBND cấp xã	Không	x	Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ	x	
20	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an 1.010805.000.00.00.H42	17 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC UBND cấp xã	Không	x	Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ		x
21	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương 1.001257.000.00.00.H42	17 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC UBND cấp xã	Không	Không	Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện DVBC CI	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung cấp DVCTT	
							Toàn trình	Một phần
22	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm - pu - chia (1.004964.000.00.00.H42)	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC UBND cấp xã	Không	x	Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ	x	
23	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến 2.001157.000.00.00.H42	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC UBND cấp xã	Không	x		x	
24	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến 2.001396.000.00.00.H42	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC UBND cấp xã	Không	x			x
25	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ 1.010801.000.00.00.H42	20 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định). Trường hợp quy định tại các điểm d, đ khoản 1 Điều 26 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trường hợp thân nhân liệt sĩ đã được hưởng chế độ ưu đãi nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ: 12 ngày kể từ ngày nhận được đơn đề nghị	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020; - Nghị quyết số 190/2025/QH15 quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước; - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/2/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ.	x	
26	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với	- 12 ngày kể từ ngày	Trung tâm	Không	x		x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện DVBC CI	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung cấp DVCTT	
							Toàn trình	Một phần
	vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác 1.010802.000.00.00.H42	nhận đủ giấy tờ đối với trường hợp Sở LĐTBXH nơi thường trú của cá nhân đồng thời là LĐTBXH nơi quản lý hồ sơ gốc liệt sĩ. - 17 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ đối với trường hợp Sở LĐTBXH nơi thường trú của cá nhân không phải là Sở LĐTBXH nơi quản lý hồ sơ gốc liệt sĩ.	PVHCC tỉnh					
27	Công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh 1.010806.000.00.00.H42	104 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x			x
28	Khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với trường hợp còn sót vết thương, còn sót mảnh kim khí hoặc có tỷ lệ tổn thương cơ thể tạm thời hoặc khám giám định bổ sung vết thương và điều chỉnh chế độ đối với trường hợp không tại ngũ, công tác trong quân đội, công an 1.010807.000.00.00.H42	84 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x			x
29	Giải quyết hưởng thêm một chế độ trợ cấp đối với thương binh đồng thời là bệnh binh 1.010808.000.00.00.H42	17 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x		x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện DVBC CI	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung cấp DVCTT	
							Toàn trình	Một phần
30	Giải quyết chế độ đối với thương binh đang hưởng chế độ mất sức lao động 1.010809.000.00.00.H42	24 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x		x	
31	Đưa người có công đối với trường hợp đang được nuôi dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tình quản lý về nuôi dưỡng tại gia đình 1.010813.000.00.00.H42	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công	Không	x			x
32	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ 1.010814.000.00.00.H42	17 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC UBND cấp xã	Không	x		x	
33	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng 1.010815.000.00.00.H42	37 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC UBND cấp xã	Không	x			x
34	Giải quyết phụ cấp đặc biệt hằng tháng đối với thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên, bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên 1.010822.000.00.00.H42	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC UBND cấp xã	Không	x			x
35	Hưởng lại chế độ ưu đãi 1.010823.000.00.00.H42	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x			x

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện DVBC CI	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung cấp DVCTT	
							Toàn trình	Một phần
36	Sửa đổi, bổ sung thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công 1.010826.000.00.00.H42	24 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x		x	
37	Di chuyển hồ sơ khi người hưởng trợ cấp ưu đãi thay đổi nơi thường trú (1.010827.000.00.00.H42)	24 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x		x	
38	Cấp trích lục hoặc sao hồ sơ người có công với cách mạng 1.010828.000.00.00.H42	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x		x	
39	Cấp giấy xác nhận thông tin về nơi liệt sĩ hy sinh 1.010831.000.00.00.H42	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Cơ quan, đơn vị quản lý liệt sĩ trước khi hy sinh cấp tỉnh; Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	Không	x			x
40	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp 2.002308.000.00.00.H42	Không quy định	Trung tâm PVHCC UBND cấp xã	Không	x	- Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội; - Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 ngày 09/12/2020 của BTV Quốc hội; - Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Quyết định số 170/2008/QĐ-TTg ngày 18/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ; - Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/2/2025	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện DVBC CI	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung cấp DVCTT	
							Toàn trình	Một phần
						của Chính phủ; - Thông tư 08/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29/8/2023 của Bộ LĐTBXH; - Thông tư số 24/2009/TT-BLĐTBXH ngày 10/7/2009 của Bộ LĐTBXH;		
41	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh 2.002307.000.00.00.H42	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC UBND cấp xã	Không	x	- Nghị quyết số 190/2025/QH15; - Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/2/2025 của Chính phủ; - Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 ngày 09/12/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; - Quyết định số 170/2008/QĐ-Ttg của Thủ tướng Chính phủ; - Thông tư 24/2009/TT-BLĐTBXH ngày 10/7/2009 của Bộ LĐTBXH; - Thông tư 08/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29/8/2023 của Bộ LĐTBXH.	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện DVBC CI	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung cấp DVCTT		
							Toàn trình	Một phần	
II	LĨNH VỰC AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG								
1	Khai báo với Sở Nội vụ địa phương khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động 2.000134.000.00.00.H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x	- Luật an toàn, vệ sinh lao động ngày 25/6/2015; - Nghị quyết số 190/2025/QH15; - Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; - Nghị định 4/2023/NĐ-CP ngày 13/02/2023 của Chính phủ; - Thông tư số 16/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ LĐTBXH; - Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ.		x	
2	Hỗ trợ kinh phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho doanh nghiệp 2.000111.000.00.00.H42	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x		x		
3	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC tỉnh	Phí: 1.200.000 đồng (Trường hợp nộp trực tiếp); 1.080.000 đồng (Trường hợp nộp trực	x	- Luật 84/2015/QH13 ngày 25/06/2015 của Quốc hội; - Nghị định 140/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 8/10/2018;	x		

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện DVBC CI	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung cấp DVCTT	
							Toàn trình	Một phần
	thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập) 1.005449.000.00.00.H42			tuyển)		- Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ; - Nghị quyết số 190/2025/QH15; - Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ.		
4	Gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, đổi tên Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập). 1.005450.000.00.00.H42	25 ngày làm việc (đối với gia hạn, bổ sung); 10 ngày làm việc đối với mất, đổi tên) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC tỉnh	Phí: 1.200.000 đồng Đối với trường hợp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động (Trường hợp nộp trực tiếp); 1.080.000 đồng (Trường hợp nộp trực tuyến) Phí 500.000 đồng Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung phạm vi Giấy chứng nhận đủ	x		x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện DVBC CI	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung cấp DVCTT	
							Toàn trình	Một phần
				điều kiện hoạt động huấn luyện ATVSLĐ Trường hợp nộp trực tiếp); 450.000 đồng (Trường hợp nộp trực tuyến)				
5	Giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, gồm: Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp; khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động. 2.002341.000.00.00.H42	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x	- Luật 84/2015/QH13 ngày 25/06/2015 của Quốc hội; - Nghị định 88/2020/NĐ-CP ngày 28/7/ 2020 của Chính phủ; - Nghị quyết số 190/2025/QH15;		x
6	Hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh nghề nghiệp cho người lao động phát hiện bị bệnh nghề nghiệp khi đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp 2.002343.000.00.00.H42	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x	- Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ.		x
7	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành 1.013337.H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x	- Luật quy định tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006; - Nghị quyết số 190/2025/QH15; - Nghị định số 127/2007		x

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện DVBC CI	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung cấp DVCTT	
							Toàn trình	Một phần
						/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ; - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá ngày 21/01/2007; - Nghị định số 132/2008 /NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 28/2012/ TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ KHCN; - Thông tư số 02/2017/ TTBKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ KHCN; - Thông tư số 13/2024/TTBLĐTBXH ngày 5/12/2024 của Bộ LĐTBXH; - Nghị định số 25/2025/ NĐ-CP ngày 21/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ.		
8	Thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá nhóm 2 nhập khẩu 1.013723.H42	01 (một ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007; - Nghị định số 132/2008/		x

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện DVBC CI	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung cấp DVCTT	
							Toàn trình	Một phần
		nhập khẩu theo quy định				NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ; - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 9/11/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 09/2025/TT-BNV ngày 18/6/2025 của Bộ Nội vụ.		
III	LĨNH VỰC VIỆC LÀM							
1	Giải quyết hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động 1.001881.000.00.00.H42	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x	- Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội;		x
2	Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm 1.001865.000.00.00.H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x	- Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/02/2025 của Chính phủ;	x	
3	Cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm 1.001853.000.00.00.H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (Trường hợp doanh nghiệp thay đổi một trong các nội dung của giấy phép đã được cấp cùng địa bàn tỉnh; giấy phép bị mất; giấy	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x	- Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ.	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện DVBC CI	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung cấp DVCTT	
							Toàn trình	Một phần
		phép bị hư hỏng không còn đầy đủ thông tin trên giấy phép) 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (Trường hợp doanh nghiệp thay đổi địa chỉ trụ sở chính sang địa bàn cấp tỉnh khác so với nơi đã được cấp giấy phép)						
4	Gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm 1.001823.000.00.00.H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x		x	
5	Thu hồi Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm 1.009873.000.00.00.H42	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x		x	
6	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm 1.009874.000.00.00.H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x		x	
7	Cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam 1.014196.H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x	- Bộ luật Lao động năm 2019; - Nghị định số 219/2025/NĐ-CP của Chính phủ.	x	
8	Cấp lại giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x		x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện DVBC CI	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung cấp DVCTT	
							Toàn trình	Một phần
	làm việc tại Việt Nam 1.014197.H42							
9	Gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam 1.014198.H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x		x	
10	Cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam 1.014199.H42	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x		x	
11	Cấp lại giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam 1.014200.H42	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x	- Bộ luật Lao động năm 2019; - Nghị định số 219/2025/NĐ-CP của Chính phủ.	x	
12	Gia hạn giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam 1.014201.H42	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x	- Bộ luật Lao động năm 2019; - Nghị định số 219/2025/NĐ-CP của Chính phủ.	x	
13	Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp (1.001978.000.00.00.H42)	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Dịch vụ việc làm	Không	x	- Luật Việc làm ngày 16/11/2013; - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội;	x	
14	Tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp (1.001973.000.00.00.H42)	02 ngày làm việc kể từ ngày người lao động không đến thông báo về việc tìm kiếm việc làm hằng tháng theo quy định	Trung tâm Dịch vụ việc làm	Không	x	- Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/02/2025 của Chính phủ;	x	
15	Tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp 1.001966.000.00.00.H42	Không quy định	Trung tâm Dịch vụ việc	Không	x	- Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện DVBC CI	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung cấp DVCTT	
							Toàn trình	Một phần
			làm			của Chính phủ;		
16	Chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp (2.001953.000.00.00.H42)	Không quy định	Trung tâm Dịch vụ việc làm	Không	x	- Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ;	x	
17	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyên đi) 2.000178.000.00.00.H42	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Dịch vụ việc làm	Không	x	- Nghị định số 61/2020/NĐ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ;	x	
18	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyên đến) 1.000401.000.00.00.H42	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Dịch vụ việc làm	Không	x	- Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 của Bộ LĐTBXH;	x	
19	Giải quyết hỗ trợ học nghề 2.000839.000.00.00.H42	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Dịch vụ việc làm	Không	x	- Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2023 của Bộ LĐTBXH.		x
20	Thông báo về việc tìm việc làm hằng tháng 1.000362.000.00.00.H42	Không quy định	Trung tâm Dịch vụ việc làm	Không	x		x	
21	Hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm 2.000148.000.00.00.H42	Không quy định	Trung tâm Dịch vụ việc làm	Không	x			x
IV	LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG, QUAN HỆ LAO ĐỘNG							
1	Cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động 1.000479.000.00.00.H42	27 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x	- Nghị quyết số 190/2025/QH15;	x	
2	Cấp lại Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động 1.000448.000.00.00.H42	22 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x	- Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/02/2025 của Chính phủ;	x	
3	Gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động 1.000464.000.00.00.H42	- 22 ngày làm việc (kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ) Đối với	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x	- Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ;	x	
						- Nghị định số 45/2025/		

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện DVBC CI	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung cấp DVCTT	
							Toàn trình	Một phần
		trường hợp doanh nghiệp thay đổi một trong các nội dung của giấy phép đã được cấp (gồm: tên doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính nhưng vẫn trên địa bàn cấp tỉnh đã cấp giấy phép, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp); giấy phép bị mất; giấy phép bị hư hỏng không còn đầy đủ thông tin trên giấy phép. - 27 ngày làm việc (kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ) Đối với trường hợp doanh nghiệp thay đổi địa chỉ trụ sở chính sang địa bàn cấp tỉnh khác so với nơi đã được cấp giấy phép.				NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ.		
4	Thu hồi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động 1.000436.000.00.00.H42	17 ngày làm việc (kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của doanh nghiệp) Đối với trường hợp chấm dứt hoạt động cho thuê lại theo đề nghị của doanh nghiệp cho thuê lại; doanh nghiệp giải thể hoặc bị Tòa án	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x		x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện DVBC CI	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung cấp DVCTT	
							Toàn trình	Một phần
		tuyên bố phá sản.						
5	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động 1.000414.000.00.00.H42	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x		x	
6	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp 2.001955.000.00.00.H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x	- Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ;	x	
7	Thành lập Hội đồng thương lượng tập thể 1.009466.000.00.00.H42	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x	- Bộ luật Lao động 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019;	x	
8	Thay đổi Chủ tịch Hội đồng thương lượng tập thể, đại diện Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch, thời gian hoạt động của Hội đồng thương lượng tập thể 1.009467.000.00.00.H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x	- Thông tư số 10/2020/TTBLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ LĐTBXH; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ; - Nghị quyết số 190/2025/QH15; - Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/02/2025 của Chính phủ.	x	
9	Đề nghị việc sử dụng người chưa đủ 13 tuổi làm việc 1.012091.H42	13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x	- Bộ luật Lao động năm 2019; - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025; - Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/02/2025 của Chính phủ;		x

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện DVBC CI	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung cấp DVCTT	
							Toàn trình	Một phần
						- Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/ 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ LĐTBXH; - Thông tư số 08/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29/8/2023 của Bộ LĐTBXH.		
V	LĨNH VỰC QUẢN LÝ LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC							
1	Nhận lại tiền ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài (hợp đồng dưới 90 ngày) 1.000502.000.00.00.H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x	- Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ngày 13/11/2020. - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025.		x
2	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập dưới 90 ngày 1.005132.000.00.00.H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x	- Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/02/ 2025 của Chính phủ. - Nghị định số 45/2025 /NĐ-CP ngày 28/02/ 2025 của Chính phủ; - Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10/12/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 21/2021/TT-BLĐTBXH ngày	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện DVBC CI	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung cấp DVCTT	
							Toàn trình	Một phần
						15/12/2021 của Bộ LĐTBXH; - Thông tư số 20/2021/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2021 của Bộ LĐTBXH.		
3	Hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng là người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, thân nhân người có công với cách mạng đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng 2.002105.000.00.00.H42	10 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ)	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x	- Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; - Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ;		x
4	Hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng là người bị thu hồi đất nông nghiệp đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng 1.005219.000.00.00.H42	10 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ)	Chủ đầu tư	không	x	- Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025; - Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/02/ 2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/ 2025 của Chính phủ; - Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ; - Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT/BLĐTBX		x

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện DVBC CI	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung cấp DVCTT	
							Toàn trình	Một phần
						H-BTC ngày 15/6/ 2016 của Bộ LĐTBXH và Bộ Tài chính; - Thông tư số 08/2023/ TTBLĐTBXH ngày 29/8/2023 của Bộ LĐTBXH.		
5	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập từ 90 ngày trở lên 1.013727.H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x	- Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ngày 13/11/2020. - Nghị định số 25/2025/ NĐ-CP ngày 21/02/ 2025 của Chính Phủ; - Nghị định số 112/2021 /NĐ-CP ngày 10/12/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 128/2025 /NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ.	x	
6	Báo cáo đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài của tổ chức, cá nhân Việt Nam đầu tư ra nước ngoài (1.013728.H42)	05 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ).	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x	- Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ngày 13/11/2020.	x	
7	Báo cáo đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài của doanh nghiệp trúng thầu, nhận	05 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ).	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x	- Nghị định số 25/2025/ NĐ-CP ngày 21/02/ 2025 của Chính Phủ;	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện DVBC CI	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung cấp DVCTT	
							Toàn trình	Một phần
	thầu công trình, dự án ở nước ngoài (1.013729.H42)					- Nghị định số 112/2021 /NĐ-CP ngày 10/12/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 128/2025 /NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ;		
8	Nhận lại tiền ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài (hợp đồng từ 90 ngày trở lên) (1.013730.H42)	05 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ).	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x			x
9	Đăng ký hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm giúp việc gia đình ở nước ngoài (1.013731.H42)	05 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ).	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x		x	
10	Xác nhận danh sách người lao động Việt Nam đi làm giúp việc gia đình ở nước ngoài (1.013732.H42)	05 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ).	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x			x
11	Chuẩn bị nguồn lao động của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (1.013733.H42)	05 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ).	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x		x	
VI	LĨNH VỰC QUẢN LÝ QUỸ, HỘI/TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ							
1	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội (1.012927.H42)	30 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x	Nghị định số 126/2024/ NĐ-CP ngày 08/10/2014	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện DVBC CI	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung cấp DVCTT	
							Toàn trình	Một phần
2	Thủ tục thành lập Hội (cấp tỉnh) 1.012929.H42	60 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x	của Chính phủ.	x	
3	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường 1.012942.H42	45 ngày làm việc (đối với đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường); 15 ngày làm việc (đối với đại hội thành lập)	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x	Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2014 của Chính phủ	x	
4	Thủ tục thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên, phê duyệt điều lệ hội (1.012943.H42)	60 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x		x	
5	Thủ tục chia tách; sáp nhập; hợp nhất hội (1.012945.H42)	60 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x		x	
6	Thủ tục hội tự giải thể (cấp tỉnh) 1.012946.H42	45 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x	Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2014 của Chính phủ	x	
7	Thủ tục cho phép hội đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện 1.012947. H42	30 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x		x	
8	Thủ tục cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn (1.012948.H42)	30 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x		x	
9	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận Điều lệ Quý. (Cấp tỉnh) (1.013017. H42)	60 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký).	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x	- Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ;	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện DVBC CI	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung cấp DVCTT	
							Toàn trình	Một phần
10	Thủ tục công nhận Quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ (1.013018.H42)	60 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký).	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x	- Nghị định số 136/2024/ND-CP ngày 23/10/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 128/2025/ND-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ.	x	
11	Thủ tục công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ 1.013019.H42	60 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký).	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x		x	
12	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ 1.013020.H42	60 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký).	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x		x	
13	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ hoạt động có thời hạn (cấp tỉnh) 1.013021.H42	60 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký).	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x		x	
14	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ (1.013022.H42)	60 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký).	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x		x	
15	Thủ tục tự giải thể quỹ 1.013023.H42	60 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký).	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x		x	
VII	LĨNH VỰC CÔNG CHỨC							
1	Thi tuyển công chức 1.014111.H42	Tối đa 190 ngày kể từ ngày hết thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển	Theo Thông báo tuyển dụng của cơ quan có	Phí dự tuyển dụng công chức: - Dưới 100 thí	x	- Luật Cán bộ, công chức ngày 24/6/2025; - Nghị định số 170/2025/		

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện DVBC CI	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung cấp DVCTT	
							Toàn trình	Một phần
		(theo Nghị định số 170/2025/NĐ-CP)	thẩm quyền tuyển dụng	sinh mức thu 500.000 đồng/thí sinh/ lần dự thi. - Từ 100 đến dưới 500 thí sinh mức thu 400.000 đồng/thí sinh/ lần dự thi. - Từ 500 thí sinh trở lên mức thu 300.000 đồng/thí sinh/lần dự thi		NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính.		
2	Xét tuyển công chức 1.014113.H42	Tối đa 85 ngày kể từ ngày hết thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển		Phí dự tuyển dụng công chức: - Dưới 100 thí sinh mức thu 500.000 đồng/thí sinh/lần dự thi. - Từ 100 đến dưới 500 thí sinh mức thu 400.000 đồng /thí sinh/ lần dự thi. - Từ 500 thí sinh trở lên mức thu 300.000 đồng/thí				

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện DVBC CI	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung cấp DVCTT	
							Toàn trình	Một phần
				sinh/lần dự thi				
3	Tiếp nhận vào công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý 1.014116.H42	Không quy định	Trụ sở cơ quan tuyển dụng	Không	x	- Luật Cán bộ, công chức ngày 24/6/2025. - Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ.		
VIII	LĨNH VỰC VIÊN CHỨC							
1	Thủ tục thi tuyển Viên Chức 1.012299.H42	210 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Theo thông báo của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng	Phí dự tuyển dụng viên chức: - Dưới 100 thí sinh mức thu 500.000 đồng /thí sinh/lần dự thi - Từ 100 đến dưới 500 thí sinh mức thu 400.000 đồng/thí sinh/lần dự thi; - Từ 500 thí sinh trở lên mức thu 300.000 đồng/thí sinh/lần dự thi.	x	- Luật Viên chức năm 2010; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; - Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ; - Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính.		
2	Thủ tục xét tuyển Viên chức 1.012300.H42	180 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Theo thông báo của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng	Phí dự tuyển dụng viên chức: - Dưới 100 thí sinh mức thu 500.000 đồng /thí sinh/lần dự thi - Từ 100 đến dưới 500 thí sinh mức	x			

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện DVBC CI	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung cấp DVCTT	
							Toàn trình	Một phần
				thu 400.000 đồng/ thí sinh/lần dự thi; - Từ 500 thí sinh trở lên mức thu 300.000 đồng/thí sinh/lần dự thi.				
3	Thủ tục tiếp nhận vào viên chức không giữ chức vụ quản lý 1.012301.H42	Không xác định	Theo thông báo của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng	Không				
IX	LĨNH VỰC CÔNG TÁC THANH NIÊN							
1	Thủ tục chấp thuận việc thành lập tổ chức thanh niên xung phong cấp tỉnh (2.001717.000.00.00.H42	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x	- Nghị định số 12/2011/ NĐ-CP của Chính phủ. - Thông tư số 11/2011/ TTBNV ngày 26/9/ 2011 của Bộ Nội vụ.	x	
2	Thủ tục giải thể tổ chức thanh niên xung phong cấp tỉnh 1.003999.000.00.00.H42	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x		x	
3	Thủ tục xác nhận phiên hiệu thanh niên xung phong ở cấp tỉnh 2.001683.000.00.00.H42	45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x		x	
X	LĨNH VỰC VĂN THƯ LƯU TRỮ							
1	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ lưu trữ (1.013934.H42)	- Đối với cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ lưu trữ: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và nội	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x	- Luật Lưu trữ số 33/2024/QH15 ngày 21/6/2024 của Quốc hội; - Nghị định số 113/2025 /NĐ-CP ngày 03/6/2025 của Chính phủ.		x

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện DVBC CI	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung cấp DVCTT	
							Toàn trình	Một phần
		dung tài liệu trong hồ sơ đáp ứng đầy đủ điều kiện. - Đối với cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ lưu trữ: Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và nội dung tài liệu trong hồ sơ đáp ứng đầy đủ điều kiện.						
2	Công nhận tài liệu lưu trữ có giá trị đặc biệt 1.013937.H42	60 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x	- Luật Lưu trữ số 33/2024/QH15 ngày 21/6/2024 của Quốc hội; - Thông tư số 06/2025/TT-BNV ngày 15/5/2025 của Bộ Nội vụ.		x
3	Sử dụng tài liệu lưu trữ tại lưu trữ lịch sử của Nhà nước 1.013932.H42	- 02 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận Phiếu yêu cầu sao và xác thực tài liệu lưu trữ - 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận Phiếu yêu cầu đọc tài liệu lưu trữ - 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận Phiếu yêu cầu đọc tài liệu lưu trữ, Phiếu yêu cầu sao và xác thực tài liệu lưu trữ	- Trung tâm Lưu trữ Lịch sử tỉnh (đối với trường hợp trực tiếp). - Trung tâm PVHCC (đối với trường hợp trực tuyến)	Không	x	- Luật Lưu trữ số 33/2024/QH15 ngày 21/6/2024. - Thông tư số 05/2025/TT-BNV ngày 14/5/2025 của Bộ Nội vụ; - Thông tư số 06/2025/TT-BNV ngày 15/5/2025 của Bộ Nội vụ.		x

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện DVBC CI	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung cấp DVCTT	
							Toàn trình	Một phần
XI	LĨNH VỰC TÍN NGƯỠNG - TÔN GIÁO							
1	Thủ tục đăng ký sửa đổi hiến chương của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (cấp tỉnh) (1.012664.H42)	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo ngày 18/11/2016. - Nghị quyết số 190/2025 /QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội; - Nghị định số 95/2023 /NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2024/TT-BNV ngày 13/6/2024 của Bộ Nội vụ.	x	
2	Thủ tục đăng ký chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành là người đang bị buộc tội hoặc chưa được xóa án tích (cấp tỉnh) 1.012659.H42	60 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x			x
3	Thủ tục đề nghị sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại việt nam (cấp tỉnh) (1.012658.H42)	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x			x
4	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại việt nam trong địa bàn một tỉnh (cấp tỉnh) (1.012656.H42)	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x		x	
5	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại việt nam đến địa bàn tỉnh khác (cấp tỉnh) (1.012653.H42)	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo ngày 18/11/2016. - Nghị quyết số 190/2025 /QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội; - Nghị định số 95/2023 /NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2024/TT-BNV ngày	x	
6	Thủ tục đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x		x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện DVBC CI	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung cấp DVCTT	
							Toàn trình	Một phần
	giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (cấp tỉnh) (1.012646.H42)					13/6/2024 của Bộ Nội vụ.		
7	Thủ tục đề nghị mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam thực hiện hoạt động tôn giáo ở một tỉnh (cấp tỉnh) (1.012648.H42)	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x		x	
8	Thủ tục đề nghị thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (cấp tỉnh) 1.012645.H42	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x		x	
9	Thủ tục đăng ký mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo (cấp tỉnh) 1.012616.H42	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x		x	
10	Thủ tục đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho nhóm người nước ngoài sinh hoạt tôn giáo tập trung (Cấp tỉnh) (1.012655.H42)	45 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo ngày 18/11/2016). - Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ; - Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ.	x	
11	Thủ tục đề nghị cho người nước ngoài học tại cơ sở đào tạo tôn giáo ở Việt Nam (Cấp Tỉnh) 1.012660.H42	45 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x		x	
12	Thủ tục đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (Cấp Tỉnh)	60 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo ngày 18/11/2016). - Nghị định số 95/2023/		x

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện DVBC CI	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung cấp DVCTT	
							Toàn trình	Một phần
	1.012672.H42					NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ; - Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ.		
13	Thủ tục đề nghị thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (cấp tỉnh) 1.012661.H42	60 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x			x
14	Thủ tục đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (cấp tỉnh) 1.012641.H42	60 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x			x
15	Thủ tục đề nghị tự giải thể của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương (cấp tỉnh) 1.012639.H42	45 ngày kể từ ngày hết thời hạn thanh toán các khoản nợ (nếu có) và thanh lý tài sản, tài chính ghi trong thông báo của tổ chức mà không có khiếu nại	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x			x
16	Thủ tục đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức (cấp tỉnh) 1.012637.H42	45 ngày kể từ ngày hết thời hạn thanh toán các khoản nợ (nếu có) và thanh lý tài sản, tài chính ghi trong thông báo của tổ chức mà không có khiếu nại	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x			x
17	Thủ tục đề nghị cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo cho tổ chức có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (cấp tỉnh) (1.012632.H42)	60 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo ngày 18/11/2016). - Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023		x

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện DVBC CI	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung cấp DVCTT	
							Toàn trình	Một phần
18	Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 điều 34 của luật tín ngưỡng, tôn giáo (cấp tỉnh) 1.012629.H42	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x	của Chính phủ; - Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ.	x	
19	Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (cấp tỉnh) (1.012628.H42)	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x		x	
20	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều xã thuộc một tỉnh (1.012607.H42)	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x		x	
21	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều xã thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh (cấp tỉnh) 1.012606.H42	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x		x	
22	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều xã thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh (cấp tỉnh) (1.012605.H42)	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo ngày 18/11/2016). - Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ; - Nghị định số 124/2025/	x	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện DVBC CI	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung cấp DVCTT	
							Toàn trình	Một phần
						NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ.		
23	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam (cấp tỉnh) (1.012657.H42)	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo ngày 18/11/2016. - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội; - Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2024/TT-BNV ngày 13/6/2024 của Bộ Nội vụ;	x	
24	Thủ tục đề nghị thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc (1.012644.H42)	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm PVHCC tỉnh	Không	x	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo ngày 18/11/2016; - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội; - Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ.	x	

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND XÃ

Stt	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Thực hiện DV BCCI	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung cấp DVCTT	
							Toàn trình	Một phần
I	LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG							
1	Thăm viếng mộ liệt sĩ 1.013750.H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC UBND cấp xã	Không	x	Nghị định số 129/2025 /NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ.	x	
2	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công 1.010833.000.00.00.H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC UBND cấp xã	Không	x	Nghị định số 104/2022/ NĐ-CP của Chính phủ.	x	
II	LĨNH VỰC TÍN NGƯỠNG - TÔN GIÁO							
1	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng (cấp xã) (1.012592.H42)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC UBND cấp xã	Không	x	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo ngày 18/11/2016. - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội; - Nghị định số 95/2023/ NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2024/ TT-BNV ngày 13/6/2024 của Bộ Nội vụ.		x
2	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng (cấp xã) (1.012591.H42)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC UBND cấp xã	Không	x			x
3	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung (cấp xã) (1.012590.H42)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC UBND cấp xã	Không	x	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo ngày 18/11/2016). - Nghị định số 95/2023/ NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ. - Nghị định số 124/2025/ NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ		x
4	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung (cấp xã) (1.012585.H42)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC UBND cấp xã	Không	x		x	

5	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã (cấp xã) 1.012584.H42	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC UBND cấp xã	Không	x	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo ngày 18/11/2016. - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội;	x	
6	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác (cấp xã) 1.012582.H42	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC UBND cấp xã	Không	x	- Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2024/TT-BNV ngày 13/6/2024 của Bộ Nội vụ;		x
7	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một xã 1.013796.H42	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm PVHCC UBND cấp xã	Không	x	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo ngày 18/11/2016; - Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ; - Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ.	x	
8	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một xã (1.013797.H42)	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm PVHCC UBND cấp xã	Không	x		x	
9	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức trong một xã 1.013798.H42	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm PVHCC UBND cấp xã	Không	x		x	
III	LĨNH VỰC DÂN TỘC							
1	Công nhận người có uy tín 1.012222.H42	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm PVHCC UBND cấp xã	Không	x	- Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ		x
2	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín 1.012223.H42	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm PVHCC UBND cấp xã	Không	x	- Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ.		x

						- Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg ngày 23/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ.		
IV	LĨNH VỰC QUẢN LÝ LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC							
1	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết 1.013734.H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm PVHCC UBND cấp xã		x	- Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025; - Thông tư số 20/2021/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2021 của Bộ LĐTBXH; - Thông tư số 21/2021/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2021 của Bộ LĐTBXH; - Thông tư số 08/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29/8/2023 của Bộ LĐTBXH; - Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 128/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ.	x	

V	QUẢN LÝ QUỸ, HỘI							
1	Thủ tục Công nhận ban vận động thành lập hội (1.013702.H42)	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC UBND cấp xã	Không	x	- Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ.		x
2	Thủ tục thành lập hội 1.013703.H42	60 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC UBND cấp xã	Không	x			x
3	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội 1.013704.H42	- 45 ngày làm việc (đối với đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường); - 15 ngày làm việc (đối với đại hội thành lập)	Trung tâm PVHCC UBND cấp xã	Không	x			x
4	Thủ tục thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội (1.013706.H42)	60 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC UBND cấp xã	Không	x			x
5	Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội 1.013707.H42	60 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC UBND cấp xã	Không	x			x
6	Thủ tục hội tự giải thể 1.013708.H42	45 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC UBND cấp xã	Không	x			x
7	Thủ tục cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn 1.013709.H42	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC UBND cấp xã	Không	x	- Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ.		x
8	Thủ tục hỗ trợ chi phí y tế và thu nhập thực tế bị mất hoặc giảm sút cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe 1.013710.H42	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC UBND cấp xã	Không	x			x
9	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ 1.013711.H42	60 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC UBND cấp xã	Không	x			x

10	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ (1.013712.H42)	60 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC UBND cấp xã	Không	x			x
11	Thủ tục công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ 1.013713.H42	60 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC UBND cấp xã	Không	x			x
12	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ 1.013714.H42	60 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC UBND cấp xã	Không	x	- Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ.		x
13	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động 1.013715.H42	60 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC UBND cấp xã	Không	x			x
14	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ (1.013716.H42)	60 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC UBND cấp xã	Không	x			x
15	Thủ tục quỹ tự giải thể 1.013717.H42	60 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC UBND cấp xã	Không	x			x